

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HT  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/DS-ST  
Ngày: 31-5-2024  
V/v “Tranh chấp về hợp đồng  
vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Nương**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Bùi Dân An**.

2. Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Thái Thị Thuý Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT tham gia phiên tòa:** Ông **Phan Thanh Nhã** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T1**, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Số 582, đường Nguyễn Chí Thanh, ấp GT, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: ấp LH, xã TrT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1:* Ông **Phạm Thanh Đ**, sinh năm 1964. Là Luật sư, do T2 tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh tây Ninh cử bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Thu T1 (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh T2**, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Số 582, đường Nguyễn Chí Thanh, ấp GT, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị **Lưu Thị KN**, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: 3/7, tổ 17, ấp TRÂ, xã TrĐ, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T1 trình bày:**

Trước đây, chị là chủ sử dụng một phần đất ngang 4,7m, dài 30m (giáp ranh với đất anh T2). Đất tọa lạc tại: ấp GT, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Anh T2 có thỏa thuận mua của chị 0,7m ngang nhưng do chị bị khuyết tật (mù) nên chị không biết nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị với anh T2 là chuyển nhượng hết 4,7m ngang. Sau đó, anh T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã đem thế chấp đất vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam. Khi chị biết sự việc thì ngày 05/6/2020, chị khởi kiện anh T2 tại Tòa án nhân dân thị xã HT để yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bị lừa dối. Sau đó, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam cũng có khởi kiện yêu cầu anh T2 trả nợ vay ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T2 thừa nhận lừa dối chị và đồng ý trả đất lại cho chị nhưng giấy đất đang thế chấp ngân hàng nên chị đồng ý bán phần đất này cho người khác. Chị bán đất được 1.770.000.000 đồng, chị cho anh T2 vay 550.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam nên anh T2 mới ký Hợp đồng vay tiền vào ngày 26/4/2022 tại Văn phòng công chứng Lê Quang Sách với chị. Hợp đồng vay tiền có nội dung anh T2 vay của chị 550.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 01 dương lịch và trả gốc khi hết hạn hợp đồng. Tuy nhiên, từ ngày vay đến nay, anh T2 không có trả tiền lãi cho chị và khi đến hạn, anh T2 cũng không trả tiền gốc cho chị.

Theo chị biết vào thời điểm anh T2 vay tiền của chị thì anh T2 và chị Lưu Thị KN là vợ chồng. Nên nay chị khởi kiện ra toà, yêu cầu toà án giải quyết buộc anh Nguyễn Minh T2 và chị Lưu Thị KN phải trả cho chị số tiền gốc là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay 26/4/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm là 100.000.000 đồng.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1: Ông Phạm Thanh Đ trình bày:**

Ông thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T1. Ra toà ông xác định ngày 26/4/2022 tại Văn phòng công chứng Lê Quang Sách chị T1 có ký hợp đồng vay tài sản cho anh Nguyễn Minh T2 vay 550.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, trả lãi 1%/năm. Số tiền này chị T1 không đưa cho anh T2 tại phòng công chứng, mà chị T1 cho anh T2 mượn số tiền này để trả dùm cho anh T2 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế. Từ ngày vay đến nay, anh T2 không có trả tiền lãi và tiền gốc cho chị T1. Theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/10/2018 thì anh T2 và chị Lưu Thị KN cùng vay số tiền 460.000.000 đồng tại ngân hàng.

Do đó, ông bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1 yêu cầu toà án giải quyết buộc anh Nguyễn Minh T2 và chị Lưu Thị KN phải có trách nhiệm

trả cho chị Nguyễn Thị Thu T1 số tiền gốc là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay 26/4/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm là 100.000.000 đồng. Phần lãi vượt quá 100.000.000 đồng thì chị T1 đồng ý cho anh T2 không yêu cầu trả.

**\* Bị đơn anh Nguyễn Minh T2 trình bày:**

Anh T2 thừa nhận trước đây chị Nguyễn Thị Thu T1 được cha mẹ chia cho 01 phần đất có diện tích ngang 4,7m, dài khoảng 30m giáp với ranh đất của anh. Chị T1 bị khuyết tật nên có nhờ anh đứng tên QSDĐ dùm, nên anh đi kê khai, đăng ký và đứng tên dùm chị T1 phần đất này. Đến ngày 12/9/2018 anh được Sở tài Nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CS04751, thửa 651, tờ bản đồ số 15, diện tích 143,1m<sup>2</sup>. Đất tọa lạc tại: ấp GT, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

Do phần đất của anh được cha mẹ cho ngang 06m anh đã cất nhà hết nên mua của chị T1 0,7m đất để làm lối đi. Anh có mua phần này của chị T1 nhưng chưa trả tiền. Do cần tiền làm ăn nên năm 2018 anh có đem giấy chứng nhận QSDĐ của chị T1 (do anh đứng tên dùm) đem thế chấp ngân hàng Quốc tế VIB để vay 460.000.000 đồng. Sau đó, chị T1 và Ngân hàng khởi kiện anh ra Toà án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Tại Toà anh đồng ý trả lại đất cho chị T1 nên chị T1 rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên anh không có tiền trả nên anh đồng ý uỷ quyền cho chị T1 đi trả tiền cho Ngân hàng dùm anh khoảng 550.000.000 đồng và lấy giấy chứng nhận QSDĐ ra bán cho người khác.

Tại Toà anh xác định, ngày 26/4/2022 tại Văn phòng công chứng Lê Quang Sách anh có ký hợp đồng vay tài sản, với nội dung anh Nguyễn Minh T2 vay 550.000.000 đồng của chị T1, thời hạn vay 12 tháng, trả lãi 1%/năm. Từ đó, cho đến nay anh chưa trả cho chị T1 được khoản tiền gốc nào, cũng chưa trả tiền lãi cho chị T1. Nay anh đồng ý trả cho chị T1 số tiền gốc là 550.000.000 đồng và lãi là 100.000.000 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 650.000.000 đồng.

Tuy nhiên anh đồng ý một mình trả nợ cho chị T1, không đồng ý cùng vợ anh là chị Lưu Thị KN cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị T1. Đây là hoạt động làm ăn kinh doanh của anh, chị Như chỉ đi ký hồ sơ vay ngân hàng xong đưa tiền hết cho anh. Chị Như và anh sống riêng, không liên quan kinh tế với nhau nên việc chị T1 yêu cầu vợ anh chị Như cùng anh trả nợ là không đúng.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị KN trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2024:**

Chị và anh Nguyễn Minh T2 là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên chị và anh T2 sống riêng. Anh T2 đứng tên đất dùm cho chị T1 thì chị không biết, đó là tài sản riêng của anh T2. Anh T2 có vay tiền của chị T1 550.000.000 đồng khi nào chị cũng không biết.

Do đó, nay chị T1 yêu cầu chị và anh T2 cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị T1 thì chị không đồng ý. Chị xác định đó là nợ riêng của anh T2 để anh T2 giải quyết, không liên quan đến chị.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT tham gia phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T1 đối với anh Nguyễn Minh T2 và chị Lưu Thị KN về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, buộc Nguyễn Minh T2 và chị Lưu Thị KN có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thu T1 số tiền gốc là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay 26/4/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Tính án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị KN đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Như là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1 khai nơi thường trú của anh Nguyễn Minh T2, tại địa chỉ: Số 582, đường Nguyễn Chí Thanh, ấp GT, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị KN, tại địa chỉ: 3/7, tổ 17, ấp TRÂ, xã TrĐ, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho anh T2 và chị Như do nguyên đơn cung cấp. Anh T2 và chị Như đều nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, các đương sự không có khiếu nại gì về thẩm quyền giải quyết. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã HT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bản chính “Hợp đồng vay tiền” vào ngày 26/4/2022 tại Văn phòng công chứng Lê Quang Sách, giữa chị T1 và anh T2 có nội dung thể hiện anh T2 có vay của chị T1 số tiền là 550.000.000 đồng. Mặc dù trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Minh T2 không đến Tòa để làm việc. Tuy nhiên tại tòa anh T2 thừa nhận có nợ chị T1 số tiền trên và đã ký hợp đồng vay tiền có công chứng chứng thực. Do đó, có căn cứ xác định việc vay tiền giữa chị T1 và anh T2 là có thật. Chị Nguyễn Thị Thu T1 khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Minh T2 và chị Lưu Thị KN cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị số tiền gốc và lãi. Vì thời điểm năm 2022, chị Như và anh T2 là vợ

chồng hợp pháp. Đối với tiền 550.000.000 đồng anh T2 vay của chị nhằm mục đích trả nợ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam –chi nhánh Sài Gòn, mà anh T2 và chị Như cùng vay. Nên việc chị T1 yêu cầu chị Như và anh T2 cùng có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho chị là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

**[4]. Xét lời trình bày của bị đơn anh Nguyễn Minh T2 thì thấy rằng:** Anh xác định có mượn giấy đất của chị T1 để vay ngân hàng và thiếu nợ ngân hàng, chị T1 có cho anh mượn tiền 550.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam –chi nhánh Sài Gòn, mà anh T2 và chị Như cùng vay là đúng. Ngày 26/4/2022 tại Văn phòng công chứng Lê Quang Sách anh có ký hợp đồng vay tài sản, với nội dung anh Nguyễn Minh T2 vay 550.000.000 đồng của chị T1, thời hạn vay 12 tháng, trả lãi 1%/năm. Từ đó, cho đến nay anh chưa trả cho chị T1 được khoản tiền gốc nào, cũng chưa trả tiền lãi cho chị T1. Ra toà anh đồng ý trả cho chị T1 số tiền gốc là 550.000.000 đồng và lãi là 100.000.000 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 650.000.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên anh đồng ý một mình trả nợ cho chị T1, không đồng ý cùng vợ anh là chị Lưu Thị KN cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị T1. Đây là hoạt động làm ăn kinh doanh của anh, chị Như chỉ đi ký hồ sơ vay ngân hàng xong đưa tiền hết cho anh. Chị Như và anh sống riêng, không liên quan kinh tế với nhau là không đúng. Bởi lẽ, theo giấy nhận nợ ngày 10/10/2018 thì anh và chị Như cùng vay ngân hàng, chị T1 cho anh mượn tiền trả nợ ngân hàng thì anh và chị Như phải có trách nhiệm cùng nhau trả nợ ngân hàng. Mặc khác, vợ chồng anh đang trong thời kỳ hôn nhân phải có trách nhiệm trả nợ chung.

**[5]. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn chị T1:** Yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay 26/4/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, trong hợp đồng vay tiền ngày 26/4/2022 tại Văn phòng công chứng Lê Quang Sách thể hiện, các bên có thoả thuận lãi suất 01%/năm là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên từ ngày vay cho đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên được khoản tiền lãi nào, nên nay ra toà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi 0,833%/tháng từ ngày vay 26/4/2022 cho đến ngày xét xử 31/5/2024 là 02 năm 01 tháng 05 ngày.

Số tiền lãi: 550.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 02 năm 01 tháng 05 ngày = 115.301.000 đồng. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu trả tiền lãi 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Số tiền lãi còn lại nguyên đơn không yêu cầu anh T2, chị Như trả nên ghi nhận.

**[6]. Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1: Ông Phạm Thanh Đ thống nhất theo yêu cầu của chị T1, không bổ sung gì thêm.** Yêu cầu anh Nguyễn Minh T2 và chị Lưu Thị KN có nghĩa vụ trả cho chị T1 số tiền gốc là 550.000.000 đồng + tiền lãi là 100.000.000 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 650.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

**[7].** Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T1, buộc anh

Nguyễn Minh T2 và chị Lưu Thị KN có nghĩa vụ trả cho chị T1 số tiền gốc là 550.000.000 đồng + tiền lãi là 100.000.000 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 650.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi còn lại 15.301.000 đồng, chị T1 không yêu cầu anh T2, chị Như trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

**[8].** Về án phí: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Minh T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị KN phải chịu án phí trên số tiền 650.000.000 đồng. Chị T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**[9].** Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T1 đối với anh Nguyễn Minh T2 và chị Lưu Thị KN về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Nguyễn Minh T2 và chị Lưu Thị KN có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị Thu T1 số tiền gốc là 550.000.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng gốc, lãi là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm chục triệu đồng).

Ghi nhận chị T1 không yêu cầu anh T2, chị Như trả số tiền lãi 15.301.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm lẻ một nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thu T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Minh T2 và chị Lưu Thị KN không thi hành số tiền trên thì hàng tháng chị như, anh T2 còn phải trả lãi trên số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh T2 và chị Lưu Thị KN phải chịu 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Chị Nguyễn Thị Thu T1 thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí nên không thuộc hợp phải trả lại án phí cho chị.

**3.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã HT;
- Chi cục THADS thị xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Phạm Thị Kim Nương**